

Số: *11090* /QĐ-UBND

Long Hồ, ngày *11* tháng *10* năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công khai dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách
địa phương, phân bổ ngân sách cấp huyện và số bổ sung
ngân sách cấp xã 9 tháng đầu năm 2021**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ
Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp
ngân sách;*

*Thực hiện Quyết định số 3352/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2020 của
UBND tỉnh Vĩnh Long về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân
sách địa phương năm 2021;*

*Thực hiện Quyết định số 617/QĐ-STC ngày 15 tháng 12 năm 2020 của
Giám đốc Sở Tài chính tỉnh Vĩnh Long về việc giao dự toán thu, chi ngân sách
nhà nước năm 2021;*

*Thực hiện Nghị quyết số 93/NQ-HĐND, ngày 17 tháng 12 năm 2020 của
Hội đồng nhân dân huyện khóa 11, kỳ họp thứ 13 về việc phê chuẩn dự toán thu
ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2021, phương án phân bổ
ngân sách huyện và số bổ sung cho ngân sách cấp xã, thị trấn năm 2021;*

*Thực hiện Nghị quyết số 19/NQ-HĐND, ngày 10 tháng 9 năm 2021 của Hội
đồng nhân dân huyện khóa XII, kỳ họp lần thứ hai về việc điều chỉnh, bổ sung
Nghị quyết số 93/NQ-HĐND ngày 17 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân
huyện về việc phê chuẩn dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa
phương năm 2021, phương án phân bổ ngân sách huyện và số bổ sung cho ngân
sách cấp xã, thị trấn năm 2021;*

*Thực hiện Quyết định số 7486/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2020 của
Ủy ban nhân dân huyện Long Hồ về việc giao dự toán thu ngân sách Nhà nước,
chi ngân sách địa phương năm 2021;*

*Xét Tờ trình số 335/TTr.TCKH ngày 07/10/2021 của Trưởng phòng Tài
chính – Kế hoạch huyện về việc công khai dự toán thu ngân sách nhà nước, chi*

ngân sách địa phương, phân bổ ngân sách cấp huyện và số bổ sung ngân sách cấp xã, thị trấn 9 tháng đầu năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách 9 tháng đầu năm 2021 của huyện Long Hồ (theo các biểu kèm theo Quyết định này)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan, chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
 - Kho bạc Nhà nước huyện;
- Gửi VBĐT:
- UBND tỉnh;
 - Sở Tài chính;
 - CT, các PCT.UBND huyện;
 - LĐVP, NC;
 - Cổng thông tin điện tử;
 - Lưu VT (thêm 6b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phan Thị Mỹ Hạnh

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN 9 THÁNG NĂM 2021

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán đầu năm	Thực hiện (9 tháng)	So sánh thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	477.231	696.731	145,99%	120,54%
I	Thu cân đối NSNN	129.920	131.861	101,49%	102,55%
1	Thu nội địa	129.920	129.456	99,6%	102,55%
2	Thu viện trợ, huy động ĐGTN	0	2.405		
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	0	175.593		
III	Thu bs từ NS cấp trên	347.311	389.276	112,08%	114,23%
IV	Thu kết dư	0			
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	477.231	485.059	101,6%	111,37%
I	Tổng chi cân đối ngân sách huyện	477.231	485.059	101,6%	111,37%
1	Chi đầu tư phát triển	41.176	132.178	321,0%	104,78%
2	Chi thường xuyên	428.555	345.381	80,6%	111,63%
3	Dự phòng ngân sách	7.500	7.500	100,0%	
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NS cấp tỉnh				

THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 9 THÁNG NĂM 2021

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán đầu năm	Thực hiện (9 tháng)	So sánh thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	477.231	696.731	145,99%	120,54%
I	Thu nội địa	129.920	131.861	101,49%	102,55%
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước TW qly	0	1.218		
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước ĐP qly	0	527		
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	56.500	43.133	76,34%	125,69%
4	Thuế thu nhập cá nhân	25.000	15.745	62,98%	104,41%
5	Thuế bảo vệ môi trường				
6	Lệ phí trước bạ	10.000	6.367	63,67%	110,70%
7	Thu phí, lệ phí	2.900	2.144	73,91%	73,58%
8	Các khoản thu về nhà, đất	30.820	58.509	189,84%	98,34%
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp				
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	620	835	134,66%	139,61%
-	Thu tiền sử dụng đất	30.000	56.467	188,22%	96,48%
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	200	1.207	603,36%	329,71%
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước				
9	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết				
10	Thu khác ngân sách	4.700	1.554	33,06%	98,53%
11	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác				
12	Thuphạt ATGT	0	260		182,75%
13	Thu đóng góp tự nguyện		2.405		25,85%
II	Thu viện trợ				
III	Thu bổ sung từ NS cấp trên	347.311	389.276	112,08%	114,23%
IV	Thu chuyển nguồn năm trước		175.593		185,85%
V	Thu Kết dư				
B	THU NGÂN SÁCH HUYỆN ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP				
1	Từ các khoản thu phân chia				
2	Các khoản thu ngân sách huyện được hưởng 100%				

THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN 9 THÁNG NĂM 2021

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán đầu năm	Thực hiện (9 tháng)	So sánh thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	477.231	485.059	101,64%	111,37%
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN	477.231	485.059	101,64%	111,37%
I	Chi đầu tư phát triển	41.176	132.178	321,01	104,78%
1	Chi đầu tư cho các dự án	17.176	4.650	27,1%	3,69%
2	Chi đầu tư phát triển khác	24.000	127.528	531,4%	
II	Chi thường xuyên	428.555	345.381	80,6%	111,63%
	<i>Trong đó:</i>				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	221.833	172.693	77,8%	104,96%
2	Chi khoa học và công nghệ	135		0,0%	0,00%
3	Chi y tế, dân số và gia đình	50	2.520	5039,5%	5142,34%
4	Chi văn hóa thông tin	2.650	1.664	62,8%	98,43%
5	Chi bảo vệ môi trường	3.700	2.112	57,09%	33,17%
6	Chi hoạt động kinh tế	31.574	31.206	98,83%	159,56%
7	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	39.474	20.159	51,07%	101,73%
8	Chi bảo đảm xã hội	41.593	36.264	87,19%	118,81%
9	Chi an ninh -QP	3.181	7.607	239,1%	174,11%
10	Chi khác NS	2.874	1.717	59,7%	545,08%
11	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới	76.263	67.445	88,4%	109,02%
12	Tiết kiệm chi cải cách lương	5.227	1.994	38,2%	
III	Dự phòng ngân sách	7.500	7.500	100,0%	
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN				
1	Chương trình mục tiêu quốc gia				
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư				
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên				